



gòng tóng diǎn

共同点

noun · common ground; similarity

Example Sentences

tā men suī rán xìng gé bù tóng dàn yǒu hěn duō gòng tóng diǎn
他们虽然性格不同，但有很多共同点。

Although they have different personalities,
they have a lot in common.

zhǎo dào gòng tóng diǎn shì jiàn lì yǒu yì de dì yī bù
找到共同点是建立友谊的第一步。

Finding common ground is the first step to
building friendship.

Trace each character, then write the word on your own.

共	共	共	共	共	共	共	共	共		
同	同	同	同	同	同	同	同	同		
点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点
点										